

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG ĐẠO CONTAINER

(HUNG DAO CONTAINER JOINT STOCK Co.,)

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29-11-2005; Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05-09-2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp; và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chúng tôi, gồm những cổ đông có tên như sau:

1. **TRẦN VĂN HÙNG**

Sinh ngày: 21-02-1970

CMND số: 022258558 - Ngày cấp: 14-09-2007 - Tại: CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 105/9B, Điện Biên Phủ, P.17. Q. Bình Thạnh, Tp. HCM.

2. **DƯƠNG CÔNG PHÙNG**

Sinh ngày: 04-04-1973

CMND số: 023874044 - Ngày cấp: 04-04-2004 - Tại: CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 225A, Nam Hòa, P. Phước Long A, Q. 9, Tp. HCM.

3. **PHAN VĂN HIẾU**

Sinh ngày: 08-08-1954

CMND số: 020338351 - Ngày cấp: 05-05-2006 - Tại: CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 122 Lê Văn Sỹ, P.10, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM.

4. **TRẦN THỊ XUÂN THẢO**

Sinh ngày: 30-12-1968

CMND số: 022258460 - Ngày cấp: 19-08-2004 - Tại: CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 105/ 9B Điện Biên Phủ, P. 17, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM.

5. Dương Thị Hằng

Sinh ngày: 07-07-1971

CMND số: 023667819 - Ngày cấp: 14-10-2003 - Tại: CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 105/ 9B Điện Biên Phủ, P. 17, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM.

6. Dương Thị Hà

Sinh ngày: 06-06-1969

CMND số: 023874319 - Ngày cấp: 29-03-2001 - Tại: CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: B27/2B Kp1, Phường Bình An, Quận 2, Tp.HCM.

Cùng đồng ý và ký tên chấp thuận dưới đây thành lập một CÔNG TY CỔ PHẦN (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động tuân theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá 11 thông qua ngày 29-11-2005 và các khoản của Bản điều lệ này.

Chương I

TÊN GỌI, TRỤ SỞ, MỤC TIÊU, VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 1. Tên doanh nghiệp

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER .
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : HUNG DAO CONTAINER JOINT STOCK CO
- Tên công ty viết tắt: HƯNG ĐẠO CONTAINER

Điều 2. Trụ sở Công ty

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại : số nhà 105/9B, đường Điện Biên Phủ(62 Nguyễn Cửu Vân), phường 17 quận Bình Thạnh Tp.Hồ Chí Minh.

Khi cần thiết, địa chỉ trụ sở Công ty sẽ thay đổi và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật.

- Chi nhánh và Văn phòng đại diện: Khi có nhu cầu, Công ty sẽ thành lập Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và nước ngoài và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật.

Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu: Công ty được thành lập trên cơ sở huy động vốn và sử dụng có hiệu quả trong việc đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu đáp ứng các nhu cầu của khách hàng và thu lợi nhuận tối đa cho Công ty để tăng cổ tức cho các cổ đông; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác cho ngân sách Nhà nước.
2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Bốc xếp, vận tải hàng hóa bằng container và sửa chữa thùng container,
 - Đại lý ký gửi hàng hóa,
 - Mua bán container và các loại vật tư phụ tùng,
 - Đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa trong và ngoài nước,
 - Cho thuê kho bãi,
 - Cho thuê container,
 - Sản xuất container khô và lạnh các loại,

- Sửa chữa, mua bán xe cơ giới và phụ tùng các loại, các thiết bị vận tải và thiết bị chuyên dùng,
- Mua bán sắt thép, phế liệu, kim loại màu,
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và nhớt,
- Sản xuất, mua bán và cho thuê rơ moóc và vật tư phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở),
- Sản xuất, mua bán, sửa chữa lắp đặt máy lạnh, giàn lạnh, xe lạnh,
- Sản xuất, mua bán phụ tùng, vật tư giàn lạnh, máy lạnh, xe lạnh (không sản xuất tại trụ sở).

Khi có nhu cầu, Công ty sẽ bổ sung hoặc giảm ngành nghề kinh doanh và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc Công ty, ông Trần Văn Hùng; CMND số: 022258558, cấp ngày 14-09-2007 tại Công an TP.HCM; thường trú tại: 105/9B, Điện Biên Phủ, P.17. Q. Bình Thạnh, Tp. HCM.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm (năm mươi năm) kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 6: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ ban đầu của công ty: **12.500.000.000** đồng (Mười hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn./.) .

Số vốn này được chia thành **1.250.000** cổ phần

Mệnh giá mỗi cổ phần : **10.000** đồng . (Mười ngàn đồng.)

2. Hình thức góp vốn:

- Hình thức góp vốn của các cổ đông sáng lập như sau:
 - + Hiện Kim: **12.500.000.000** đồng, bằng đồng Việt Nam
- Số vốn góp của các cổ đông sáng lập như sau:

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Vốn góp		Tỉ lệ góp vốn
		Hiện kim	Hiện vật	
1	Trần Văn Hùng	10.625.000.000		85%
2	Dương Công Phùng	625.000.000		5%
3	Nguyễn Văn Trinh	625.000.000		5%
4	Phan Văn Hiếu	312.500.000		2,5%
5	Trần Thị Xuân Thảo	312.500.000		2,5%

Tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam sẽ do Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) khi sáng lập định giá và chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản đóng góp đã chuyển sang Công ty.

Các cổ đông cam kết góp đủ số vốn nói trên trong thời hạn đã qui định và hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của các cổ đông.

3. Khi có nhu cầu, Công ty sẽ tăng hoặc giảm vốn điều lệ và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ mới của Công ty: **40.620.000.000** đồng (Bốn mươi tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Tỷ lệ góp vốn mới của các cổ đông:

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Vốn góp		Tỉ lệ góp vốn
		Hiện kim	Hiện vật	
1	Trần Văn Hùng	31.745.000.000		78.15%
2	Dương Công Phùng	625.000.000		1.54%
3	Phan Văn Hiếu	312.500.000		0.77%
4	Trần Thị Xuân Thảo	625.000.000		1.54%
5	Dương Thị Hằng	7.000.000.000		17.23%
6	Dương Thị Hà	312.500.000		0.77%

Điều 7: Cổ phần

1. Các loại cổ phần được phép phát hành :

Công ty được phép phát hành 02 loại cổ phần là **Cổ Phần Phổ Thông** và **Cổ Phần Ưu Đãi**. Mỗi cổ phần cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ).

a. Cổ phần phổ thông: là cổ phần được trả cổ tức tùy theo kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty. Công ty phải có cổ phần phổ thông.

Ngoài cổ đông được quyền ưu tiên mua cổ phần mới theo quy định của pháp luật thì cán bộ, công nhân viên và các đại lý của các tổ chức cổ đông sáng lập được quyền ưu tiên mua cổ phần phổ thông mới. Nếu các đối tượng kể trên không đăng ký mua hết, Công ty sẽ phát hành ra công chúng.

b. Cổ phần ưu đãi: Có các loại cổ phần ưu đãi như sau:

– *Cổ phần ưu đãi biểu quyết* là loại cổ phần có 02 phiếu biểu quyết, dành riêng cho các cổ đông sáng lập. Quyền ưu đãi biểu quyết của các cổ đông chỉ có hiệu lực trong 03

(ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, những cổ phần ưu đãi biểu quyết của công đồng sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

- *Cổ phần ưu đãi cổ tức* là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Đối tượng được ưu tiên mua cổ phần ưu đãi cổ tức là khách hàng thân thiết của các cổ đồng sáng lập là tổ chức. Nếu đối tượng này không đăng ký mua hết, Công ty sẽ phát hành ra công chúng.
- *Cổ phần ưu đãi hoàn lại* là cổ phần sẽ được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và được công bố lúc phát hành. Đối tượng được mua cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ do ĐHĐCĐ quyết định khi thông qua phương án phát hành cổ phần ưu đãi.
- *Cổ phần ưu đãi khác* sẽ do điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty quy định.

2. Số lượng cổ phần:

Tổng số cổ phần của Công ty của vốn điều lệ ban đầu gồm:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 1.250.000 cổ phần.
 - Số cổ phần phổ thông của các cổ đồng sáng lập đăng ký mua: 1.250.000 cổ phần.
 - Số cổ phần phổ thông dự kiến chào bán: không.
- Tổng số cổ phần ưu đãi: không.

Trong những lần tăng vốn điều lệ sau này, Công ty sẽ phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi khi cần thiết.

3. Số lượng cổ phần các cổ đồng sáng lập đăng ký mua :

TT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần phổ thông	Tỉ lệ nắm giữ cổ phần phổ thông
1	Trần Văn Hùng	1.062.500	85%
2	Dương Công Phùng	62.500	5%
3	Nguyễn Văn Trinh	62.500	5%
4	Phan Văn Hiếu	31.250	2,5%
5	Trần Thị Xuân Thảo	31.250	2,5%

Các cổ đông sáng lập cam kết đóng đủ giá trị của các cổ phần đã đăng ký trên đây. Trong 03 năm đầu, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

Điều 8: Cổ đông

1. Cổ đông: Có thể là những cá nhân hay pháp nhân không thuộc đối tượng cấm theo qui định của pháp luật được góp vốn vào Công ty theo các điều khoản của Bản điều lệ này. Trong suốt thời hạn hoạt động, Công ty phải có tối thiểu 03 cổ đông theo qui định và không hạn chế số lượng tối đa. Cổ đông là pháp nhân sẽ được đại diện bởi một các nhân có thẩm quyền.
2. Các loại cổ đông:
 - Cổ đông phổ thông: là cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông.
 - Cổ đông ưu đãi cổ tức: là cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức.
 - Cổ đông ưu đãi hoàn lại: là cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi hoàn lại.
 - Cổ đông sáng lập: là thành viên sáng lập Công ty.
3. Cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng có thể tham gia góp vốn, mua cổ phần của Công ty và trở thành cổ đông của Công ty theo các qui định của pháp luật.
4. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc ủy quyền nên trên phải được thực

hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của Công ty.

5. Các cổ đông có thể tự nhóm lại đề cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a. Tham dự và phát biểu trong các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới do Công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- d. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi Công ty thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác.
- e. Các quyền khác phải tuân theo Luật doanh Nghiệp .

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

- a. Đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ;
- c. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
- d. Các quyền khác phải tuân theo Luật doanh Nghiệp .

3. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

- a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty;
- b) Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Không làm bất cứ điều gì gây phương hại đến tài sản, uy tín, danh dự và lợi ích khác của Công ty; giữ bí mật kinh doanh của Công ty và không tiết lộ cho bất cứ cá nhân, tổ chức khác về hoạt

động của Công ty trừ trường hợp bắt buộc theo qui định của pháp luật hoặc được phép bằng văn bản của HĐQT;

- c) Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- d) Chịu trách nhiệm bồi thường do vi phạm quy định tại Điều này gây ra cho Công ty hoặc các thành viên khác;
- e) Các quyền khác phải tuân theo Luật doanh Nghiệp;
- f) Bất kỳ cổ đông phổ thông nào khi tham gia Công ty phải có văn bản cam kết với nội dung như sau:
 - Tán thành Điều lệ Công ty;
 - Từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Bản điều lệ này.

Trong trường hợp chưa có văn bản cam kết mà vẫn tham gia Công ty sẽ được coi như cổ đông đó đã tán thành điều lệ Công ty và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung này.

Điều 10: Quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết

1. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ với số phiếu biểu quyết qui định tại Điểm b khoản 1 Điều 7 của Bản điều lệ này.
2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết đó cho người khác khi cổ phần đó chưa được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo qui định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Bản điều lệ này.

Điều 11: Quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức

1. Nhận cổ tức theo mức ổn định hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Mức cổ tức cố định và cổ tức thưởng sẽ được xác định cụ thể, ghi trên cổ phiếu ưu đãi được công bố và lúc phát hành.
2. Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;
3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ và đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát.

Điều 12: Quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại

1. Được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ và đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát.

Điều 13: Cổ phiếu

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty gọi là cổ phiếu. Giá trị của cổ phần là mệnh giá của cổ phiếu.

2. Cổ phiếu phải có đầy đủ những nội dung chủ yếu sau:

- Tên, trụ sở Công ty;
- Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Số lượng cổ phiếu và các loại cổ phần;
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- Tên cổ đông đối với cổ phiếu có ghi tên;
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty;
- Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi phải ghi rõ nội dung các quyền của cổ đông.

4. Các loại cổ phiếu:

Có 04 loại cổ phiếu:

- Loại cổ phiếu chứng nhận số sở hữu 01 cổ phần;
- Loại cổ phiếu chứng nhận số sở hữu 10 cổ phần;
- Loại cổ phiếu chứng nhận số sở hữu 100 cổ phần;
- Loại cổ phiếu chứng nhận số sở hữu 1.000 cổ phần;

5. Hình thức cổ phiếu: Có 02 hình thức cổ phiếu là cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên.

a) Cổ phiếu ghi tên (còn gọi là cổ phiếu ghi danh) là cổ phiếu có ghi rõ họ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty.

Các đối tượng bắt buộc phải nắm giữ cổ phiếu có ghi danh gồm: Cổ đông sáng lập, thành viên HĐQT và Ban kiểm soát của Công ty. Ngoài các đối tượng này, các cổ đông khác cũng có thể nắm giữ cổ phiếu ghi danh (nếu muốn). Việc chuyển nhượng

cổ phiếu ghi danh phải thông qua HĐQT trước khi chuyển nhượng và phải tuân theo các quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

b) Cổ phiếu không ghi tên (còn gọi là cổ phiếu không ghi danh) là cổ phiếu không ghi tên pháp nhân hay cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty.

Cổ phiếu không ghi danh được phát hành cho các cổ đông ngoài, các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này. Cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng, không cần phải có sự chấp thuận của HĐQT nhưng phải tuân theo các quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Mọi cổ phiếu ghi danh hay không ghi danh sau khi chuyển nhượng đều phải làm thủ tục ghi tên người sở hữu vào Sổ đăng ký cổ đông tại Công ty.

6. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại Cổ phiếu mới và trả phí cho Công ty theo quy định.

Điều 14: Phát hành cổ phiếu

1. Khi Công ty mới được thành lập hoặc sau này có nhu cầu tăng vốn Điều lệ và hội đủ các điều kiện luật định thì Công ty được phép phát hành cổ phiếu.
2. Điều kiện phát hành cổ phiếu mới:

Việc phát hành cổ phiếu mới phải được sự nhất trí của HĐQT, trình ĐHĐCĐ quyết định và được sự cho phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Công ty chỉ được phát hành cổ phiếu mới khi:

- Đã thu hết cổ phiếu phát hành trong đợt trước;
 - Có chương trình và kế hoạch cụ thể công khai gọi vốn trong công chúng. Chương trình và kế hoạch này phải đảm bảo cho mọi người quan tâm hiểu rõ, hiểu đúng tình hình kinh doanh, thực trạng tình hình tài chính, triển vọng phát triển của Công ty để họ có cơ sở quyết định mua cổ phiếu.
 - Chứng minh hoạt động kinh doanh của Công ty đang được quản lý tốt, có hiệu quả và có lãi trong 01 năm gần nhất và không có lỗ lũy kế.
3. Khi Công ty tăng vốn Điều lệ, các cổ đông được mua cổ phần mới. Cổ phiếu mới có thể là cổ phiếu không ghi tên.

4. Cổ phiếu khi phát ra phải đủ các yếu tố theo quy định của Nhà nước và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát mới có giá trị pháp lý, đồng thời phải ghi vào sổ danh sách cổ đông, sổ theo dõi phát hành cổ phiếu.

Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

Điều 15: Chào bán cổ phần

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
- Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

- Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
- Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
- Các cổ phần được tự do chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần theo hình thức khác do Công ty quyết định và được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty và người mua.

Điều 16: Chuyển nhượng cổ phần

1. Chuyển nhượng cổ phiếu là quá trình chuyển quyền sở hữu dưới mọi hình thức khác như mua, bán, biếu tặng... từ cổ đông này sang cổ đông khác hoặc một người khác không phải là cổ đông. Người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng phải lý hợp đồng hoặc chứng thư xác định việc chuyển nhượng.
2. Các cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp do Luật doanh nghiệp và điều lệ này quy định.
3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được chấp thuận của HĐQT trước khi tiến hành chuyển nhượng. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, HĐQT xem xét xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp nhận cho chuyển nhượng cổ phiếu, HĐQT phải thông báo rõ lý do cho các cổ đông.
4. Việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập: Trong 03 năm đầu, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là

cổ đông nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét cụ thể việc chuyển nhượng này. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau thời hạn 03 năm quy định tại khoản này, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.

5. Cổ phiếu của các thành viên HĐQT hay Ban Kiểm soát của Công ty không được chuyển nhượng trong thời hạn đương nhiệm và 02 năm kể từ ngày thôi giữ các chức danh trên.
6. Khi Công ty tham gia vào thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng, phát hành cổ phiếu, trái phiếu của Công ty phải tuân theo các quy định hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17: Thừa kế cổ phần

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Bộ Luật Dân sự Việt Nam qui định.
2. Trong trường hợp cổ đông qua đời hoặc chấm dứt hoạt động, những người thừa kế (đối với thể nhân) hoặc những người, hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân) của cổ đông này phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của cổ đông đó. Người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của cổ đông đã qua đời hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ khác như những cổ đông khác trong Công ty. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
3. Cổ phiếu của các cổ đông sáng lập, của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát cũng được tự do thừa kế nhưng người thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và cũng không thể đương nhiên thừa kế các ưu quyền của các cổ đông sáng lập.

Điều 18: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ Đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên trụ sở Công ty;
 - Tổng số vốn cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
 - Chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát và dấu của Công ty.
3. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu trữ tại trụ sở Công ty. Trong trường hợp lưu lại nơi khác phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Chủ tịch HĐQT và người lưu trữ có trách nhiệm tạo điều kiện cho Cổ đông xem sổ đăng ký cổ đông.
4. Khi có sự thay đổi nội dung trong Sổ đăng ký Cổ đông liên quan đến cổ đông nào, cổ đông đó có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT và người lưu trữ có trách nhiệm thay đổi nội dung cho phù hợp. Mỗi lần thay đổi, Chủ tịch HĐQT phải ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 19: Trái phiếu

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
- a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;
 - b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.
- Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
3. HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của HĐQT về phát hành trái phiếu.

Điều 20: Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 21: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Tiền thuê định giá do hai bên chịu.

Điều 22. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 23: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Bản điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Bản điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 24: Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của ĐHĐCĐ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

3. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
5. Trong thời hạn 01 năm sau ngày trả cổ tức mà các cổ đông chưa đến nhận, HĐQT sẽ thông báo đến người thuộc diện thừa kế.
6. Trong trường hợp không người thừa kế thì cổ phiếu và tiền cổ tức của cổ đông vắng mặt sẽ được căn cứ theo phán quyết Tòa án.

Điều 25: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 23 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 24 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 26. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty gồm có: ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Ban kiểm soát.

Điều 27: Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ này;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% (nhưng không quá 30% đối với cổ phần phổ thông) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác phải tuân theo Luật Doanh Nghiệp .

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty.

Điều 28: Hội Đồng Quản Trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Số lượng thành viên HĐQT không quá 11 người. Thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra hoặc miễn nhiệm. Thành viên HĐQT được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần nhưng phải đạt tín nhiệm của các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.
3. HĐQT bầu và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.
4. Cơ quan thường trực của HĐQT gồm Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT và một ủy viên thường trực HĐQT có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.
5. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.
7. Thù lao cho thành viên HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ ấn định.

Điều 29: Tiêu chuẩn ứng cử thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau:

1. Là cổ đông cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân.
2. Thành viên HĐQT của Công ty không được là thành viên HĐQT của quá 02 tổ chức kinh doanh khác.
3. Thành viên HĐQT của Công ty không được là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các doanh nghiệp thuộc diện đối thủ cạnh tranh của Công ty.
4. Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

5. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, hiểu biết pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Không thuộc các đối tượng cấm theo qui định của pháp luật.
7. Thường trực HĐQT phải am hiểu chuyên môn về ngành nghề kinh doanh của Công ty, có ít nhất 03 năm công tác trong lĩnh vực mà Công ty đang kinh doanh hoặc các lĩnh vực có liên quan.

Điều 30: Nhiệm kỳ của HĐQT

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 04 năm, các thành viên HĐQT có thể được bầu lại.
2. Việc thay thế thành viên HĐQT phải tuân theo nguyên tắc kế thừa đảm bảo trong HĐQT mới có ít nhất 03 thành viên cũ.
3. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi nhiệm và bầu bổ sung ủy viên HĐQT thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.

Điều 31: Quyền hạn của HĐQT:

1. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền hạn của HĐQT trong hoạt động kinh doanh và đầu tư:
 - a) Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định đầu tư các dự án có vốn đầu tư không vượt quá 30% vốn điều lệ. Phê duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã thông qua ĐHĐCĐ;
 - c) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác;
 - d) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - e) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty. Tỷ lệ % này có thể nhỏ hơn 50 tùy theo nhu cầu của Công ty và phải được qui định tại Điều lệ Công ty;
 - f) Phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật – kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật... của Tổng Giám đốc đệ trình;
 - g) Phê duyệt một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

3. Quyền hạn của HĐQT trong công tác tổ chức:
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, phê duyệt biên chế, quỹ lương;
 - Quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty về tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định mức bồi thường vật chất khi các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc hay công nhân viên gây thiệt hại cho Công ty;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó. Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty do ĐHĐCĐ quyết định.
4. Quyền hạn của HĐQT trong lĩnh vực tài chính:
 - Ấn định việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá chào bán cổ phần và Trái phiếu của Công ty, định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
 - Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã chào bán từng loại;
 - Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh.

Điều 32: Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị

HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những việc sau:

1. Quản trị Công ty theo đúng qui định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.
2. Chỉ đạo, hỗ trợ và kiểm tra, giám sát việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty để đảm bảo thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.
3. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề sau:

4. Khi có yêu cầu, HĐQT có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin, tài liệu cần thiết – trả lời các câu hỏi chất vấn của Ban Kiểm Soát, các cổ đông và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Duyệt chương trình nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
6. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33: Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng Giám đốc, khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT có quyền đề nghị HĐQT ra quyết định bổ nhiệm hoặc bãi miễn Tổng Giám đốc.

Chủ tịch HĐQT là ông Trần Văn Hùng; CMND số: 022258558 cấp ngày 14 – 09 – 2007 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh; Thường trú: 105/9B Điện Biên Phủ, P. 17, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Nhiệm kỳ Chủ tịch HĐQT là 03 năm.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- e) Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác phải tuân theo Luật Doanh Nghiệp .

3. Khi cần thiết, Công ty có thể bầu một hay nhiều Phó Chủ tịch HĐQT. HĐQT bầu và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch theo thể thức bỏ phiếu trực tiếp hoặc biểu quyết. Phó Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, thực thi công việc ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

4. Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

Điều 34: Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị

- Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập họp HĐQT:
 - + Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường;
 - + Theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc của 3 thành viên đương nhiệm trở lên, hay của Tổng Giám đốc.
- Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định HĐQT được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hay người chủ tọa phiên họp.
- Đối với những phiên họp bất thường, Chủ tịch HĐQT hay người thay thế sẽ gửi thông báo cho các thành viên ít nhất là hai ngày trước cuộc họp. Thông báo có thể gửi bằng fax hay gọi điện thoại. Nếu cuộc triệu tập lần thứ nhất không đủ túc số, thì Chủ tịch HĐQT hay người thay thế sẽ triệu tập lần thứ hai theo cách thức tương tự. Túc số trong phiên họp này chỉ cần quá bán số thành viên.
- Cuộc họp HĐQT sẽ được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Chủ tọa và thư ký sẽ liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT, và chữ ký của hai người này là đủ để cho biên bản có giá trị.

Điều 35: Các trường hợp mất tư cách thành viên HĐQT

1. Chủ tịch, phó Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT của Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp lại để xem xét và quyết định.
2. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất tư cách thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Từ chức. Tuy nhiên thành viên đó không được từ chức nếu pháp luật không cho phép hoặc ĐHĐCĐ yêu cầu thành viên đó phải giải quyết các vấn đề tồn đọng trong Công ty;
 - c. Thành viên của HĐQT bị bãi nhiệm do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ của Công ty hoặc có những hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Công ty;

- d. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo qui định của pháp luật;
 - e. Tự ý bỏ nhiệm sở hay không hoàn thành trách nhiệm theo Điều lệ;
 - f. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - g. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT theo qui định thì Phó Chủ tịch lên thay; Phó Chủ tịch đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT bầu Phó Chủ tịch thay thế và đảm nhiệm công việc mới của Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch mới được bầu.
 4. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT đều đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT theo qui định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch.
 5. Số lượng thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên quy định tại Khoản 2, Điều 28 của Bản điều lệ này, thì HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời gian không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong thời gian chờ đợi, số thành viên còn lại tiếp tục thi hành nhiệm vụ. họp hành và quyết định dựa trên số thành viên còn lại. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên từ chức, mất năng lực, bị miễn nhiệm hay bị bãi nhiệm.

Điều 36: Tổng Giám đốc Công ty

1. HĐQT nhất trí bổ nhiệm ông Trần Văn Hùng (CMND: 022258558 cấp ngày 14-09-2007 tại Công an Tp. HCM; Thường trú: 105/9B Điện Biên Phủ, P17, Q. Bình Thạnh, HCM) làm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Tổng giám đốc thay mặt cho Công ty trong mọi hoạt động giao dịch với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác, trừ những trường hợp pháp luật bắt buộc phải là người đại diện theo pháp luật.
4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Tổng giám đốc công ty không được đồng thời làm Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 37: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật, có ít nhất 03 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty và hiểu biết pháp luật.
2. Không thuộc các đối tượng cấm theo qui định của pháp luật.
3. Không đang kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác, trừ tổ chức là cổ đông pháp nhân của Công ty.

Điều 38: Quyền và nhiệm vụ Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Các quyền và nhiệm vụ cụ thể khác
 - a) Xây dựng và trình HĐQT kế hoạch hàng năm;
 - b) Quyết định giá mua, bán nguyên vật liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước qui định);
 - c) Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;
 - d) Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định;
 - e) Báo cáo HĐQT tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty;

- f) Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được HĐQT ủy nhiệm bằng văn bản;
- g) Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT hay của các thành viên HĐQT nếu thấy trái luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của ĐHĐCĐ đồng thời có trách nhiệm báo ngay với Ban kiểm soát;
- h) Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo ngay cho HĐQT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết;
- i) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật, theo các điều kiện khác trong Điều lệ này và theo quyết định của HĐQT.

Điều 39: Từ chức và đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc

1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT sẽ xem xét quyết định.
2. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách của Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp:
 - a. Chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Từ bỏ nhiệm sở hoặc từ chức và được HĐQT xem xét chấp thuận;
 - c. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 40: Phó Tổng Giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
3. Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

Điều 41: Nghĩa vụ của người quản lý công ty

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, quyết định của ĐHĐCĐ;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;
- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các trường hợp miễn trách dành cho người quản lý:

Người quản lý Công ty không chịu trách nhiệm đối với Công ty về những mất mát và thiệt hại gây ra cho Công ty bởi những lý do khách quan khi ở vị trí đang nắm giữ; nếu họ ứng xử một cách chu đáo, cẩn thận như một người lương thiện bình thường cũng làm trong tình huống tương tự, hay đã làm hay không làm dựa trên những người tư vấn của Công ty, hay dựa trên những thông tin và dữ kiện do các viên chức hay nhân viên của Công ty cung cấp mà họ có lý do để tin rằng đó là những thông tin chính xác; hay dựa trên những thông tin tài chính của Công ty mà đã do một viên chức hay nhân viên phụ trách soạn thảo hoặc đã được kiểm toán viên xác nhận.

Điều 42: Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Báo cáo tài chính hằng năm;
- Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của HĐQT, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc);
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác phải tuân theo Luật Doanh Nghiệp .

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 43. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 44: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
2. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch HĐQT làm chủ toạ các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ toạ thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;
 - c. Chủ toạ cử một người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - d. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa và thư ký họp ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 45. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ;
2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 46: Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c) Trường hợp khác phải tuân theo Luật Doanh Nghiệp .

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 47: Mời họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 48: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b. Thông qua định hướng phát triển công ty;
- c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị quy định tại điểm khoản 2 Điều 27 Điều lệ này;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
- b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị quy định tại điểm khoản 2 Điều 27 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
- c) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

6. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 49 . Biên bản họp ĐHĐCĐ và Biên bản họp của HĐQT

1. Tất cả các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản.
2. Biên bản họp được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Điều 50. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

- a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- b. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc;
- c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên HĐQT; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 51: Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát là những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc.
2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.
3. Ban kiểm soát của Công ty gồm 02 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
4. Ban kiểm soát không có lương mà hưởng thù lao do việc kiểm tra thường xuyên và thù lao kiểm tra đột xuất theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 52: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có trình độ Đại học, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Trong số thành viên Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán.
2. Những người dưới đây không được là thành viên của Ban Kiểm soát:
 - a. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người có liên quan của thành viên HĐQT, của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty đó. Người có liên quan được hiểu theo định nghĩa theo qui định của pháp luật.
 - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả,

buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo qui định của pháp luật.

Điều 53: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng nhiệm kỳ với HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
2. Trong nhiệm kỳ, nếu có khiếm khuyết thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 54: Từ chức từ nhiệm và mất tư cách của Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức phải được sự nhất trí của các thành viên còn lại.
2. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang làm thành viên Ban Kiểm soát thì phải gửi văn bản đến Ban Kiểm soát và HĐQT để trình ĐHĐCĐ gần nhất bầu thay thế.
3. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên HĐQT được qui định tại Điều lệ này.
4. Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì thành viên còn lại sẽ tạm thay thế.
5. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban Kiểm soát mà thành viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

Điều 55: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm phân công cho các thành viên còn lại phụ trách từng loại công việc kiểm soát.
2. Mỗi thành viên dưới sự chỉ đạo của Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:
 - a) Định kỳ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;
 - b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông đa số qui định tại khoản 2 Điều 9 của Bản Điều lệ này. Đề nghị các biện pháp xử lý thích hợp cho Chủ

tịch HĐQT thực hiện sau khi kiểm tra thẩm định mà thấy có dấu hiệu qui phạm gây thiệt hại cho Công ty.

- c) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động; thm khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- d) Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- e) Kiến nghị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- f) Được quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc và các bộ phận quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- g) Không được tiết lộ bí mật của Công ty.
- h) Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thi hành nhiệm vụ.
- i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc kiểm tra qui định tại các Điểm a và b Điều này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 56: Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

- a. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;
- b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;
- d. Biên bản họp Hội đồng thành viên, ĐHĐCĐ, HĐQT; các quyết định của doanh nghiệp;
- e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;

- f. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 57: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các cổ đông sáng lập trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải;
2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các thành viên phải tuân theo.

Chương IV

THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 58: Năm tài chính và báo cáo tài chính của Công ty

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 tròn hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.
3. Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định hiện hành.
4. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty phải lập một bản Báo cáo tài chính để trình cho các cổ đông xem xét ít nhất là 07 ngày trước phiên họp toàn thể hàng năm.
5. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được gửi đến Cơ quan Thuế và Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 59: Phân cấp quyền hạn tài chính

1. Trong các hoạt động sử dụng vốn, đầu tư trực tiếp vào các dự án, mua sắm tài sản cố định, quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính – ngân hàng, với các doanh nghiệp khác, Công ty phải tuân theo qui tắc phân cấp quyền hạn sau:
 - Dưới 20% vốn điều lệ do Tổng Giám đốc Công ty tự cân nhắc và quyết định.
 - Từ 20% - 40% vốn điều lệ do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định.
 - Từ 40% vốn điều lệ trở lên do tập thể HĐQT quyết định nhưng không vượt quá vốn điều lệ của Công ty.
2. Riêng các hoạt động sử dụng vốn để mua sắm tài sản lưu động, mua bán hàng trả chậm có qui mô không vượt quá vốn điều lệ Công ty sẽ do Tổng Giám đốc tự cân nhắc quyết định tùy theo tình hình kinh doanh.

Điều 60: Phân phối lợi nhuận, lập quỹ và nguyên tắc chịu lỗ trong kinh doanh

1. Việc trích lập các quỹ sẽ do ĐHCĐ quyết định tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế. Công ty quyết định sử dụng theo hướng sau:

- a) Trích 10% lập quỹ đầu tư phát triển. Khi số dư quỹ này bằng 25% vốn điều lệ thì không phải trích nữa.
 - b) Trích 5% để lập quỹ trợ cấp mất việc làm, khi số dư quỹ này bằng 06 tháng lương thực hiện thì không phải trích nữa.
 - c) Sau khi trừ đi khoản a và b phân lợi nhuận còn lại được dùng để:
 - Trích tối đa 10% lập quỹ khen thưởng.
 - Trích tối đa 10% lập quỹ phúc lợi.
 - Trích tối đa 5% lập quỹ khen thưởng Ban quản lý, Ban điều hành Công ty. Mức trích không vượt quá 100 triệu đồng với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty bằng hoặc lớn hơn tỷ suất lợi nhuận kế hoạch; trường hợp tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế thấp hơn kế hoạch thì phải giảm trừ tương ứng.
 - Trích tối thiểu 30% bổ sung vốn cho Công ty.
2. Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, đã trích lập các quỹ và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn trả, Công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông theo loại cổ phần họ nắm giữ và theo qui định dành cho mỗi loại cổ phần ấy như qui định của Bản điều lệ này. Công ty cũng có thể trả cổ tức theo các hình thức khác theo kiến nghị của HĐQT và được ĐHĐCĐ chấp nhận. Các khoản lỗ trong kinh doanh cũng sẽ được chia sẽ cho các cổ đông theo loại cổ phần họ nắm giữ và theo qui định dành cho mỗi loại cổ phần ấy như trong qui định của Bản điều lệ này.
 3. Nếu Công ty có những dự án mới có khả thi sinh lời và có khả năng làm gia tăng giá trị chứng khoán của Công ty thì theo kiến nghị của HĐQT được ĐHĐCĐ chấp thuận, Công ty sẽ chi cổ tức cho các cổ đông.
 4. HĐQT sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức trả đối với từng loại cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức từ Công ty.

5. Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng lại cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông vào thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
6. Năm nào kinh doanh bị lỗ, thì Công ty cũng sẽ chuyển lỗ sang năm sau để được trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian được chuyển lỗ sẽ không quá 5 năm. Các cổ đông chịu lỗ theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu trong Công ty.

Nếu Công ty chuyển lỗ từ năm trước sang thì lợi nhuận của năm hiện tại trước hết sẽ được dùng trang trải cho phần lỗ đó. Các lợi nhuận do Công ty giữ lại do được chuyển từ các năm trước qua có thể được phân chia cùng với nhuận nhuận có thể được chia của năm hiện tại.

Chương V

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 61: Thành lập

Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được các cổ đông sáng lập thông qua và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập công ty đều được ghi vào mục chi phí của công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên đầu tiên.

Điều 62: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty

Công ty có thể chia thành một số Công ty cùng loại, chuyển một phần tài sản của Công ty hiện có để thành lập một số Công ty cùng loại, hợp nhất với một hoặc một số Công ty cùng loại thành một Công ty mới, sáp nhập vào một Công ty khác hoặc chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Nội dung quyết định của ĐHĐCĐ và việc thực hiện các thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi thực hiện theo qui định của pháp luật.

Điều 63. Giải thể và thanh lý tài sản của công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau :

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục;
- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Việc giải thể Công ty được thực hiện theo qui định sau đây:

Trong trường hợp bình thường, khi Công ty giải thể thì HĐQT sẽ thực hiện các bước sau:

a) Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp theo qui định của pháp luật.

- Hợp HĐQT: HĐQT sẽ họp để thảo luận và đề ra phương án giải thể chú trọng đến các vấn đề như thời hạn, thủ tục thanh lý, thanh toán các khoản nợ của Công ty, phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động, lập Tổ thanh lý tài sản dựa theo các qui định của pháp luật đang có hiệu lực và thời điểm đó và triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để ra quyết định giải thể.

- Hợp ĐHĐCĐ; ĐHĐCĐ sẽ xem xét và góp ý kiến về phương án giải thể, lập một quyết định giải thể và thông qua quyết định giải thể bằng biểu quyết thuận của 65% những người tham dự. Quyết định giải thể phải có những nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, trụ sở Công ty;
 - Lý do giải thể;
 - Thời hạn thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không vượt quá 06 tháng kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - Thành lập Tổ thanh lý tài sản; quyền và nhiệm vụ Tổ thanh lý tài sản được qui định trong phụ lục kèm theo quyết định giải thể;
 - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty.

Kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, Công ty ngưng mọi hoạt động kinh doanh và việc điều hành Công ty sẽ do Tổ thanh lý phụ trách với nhiệm vụ chính là thực hiện phương án giải thể.

b) Công bố quyết định giải thể:

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thông qua, Quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty; Quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày trung ương trong 03 kỳ liên tiếp.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo có ghi tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời gian giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

c) Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty

Bảy ngày sau khi thông qua quyết định giải thể, HĐQT lập Tổ thanh lý, tổ này gồm 05 người trong đó có Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty, 03 người là cổ đông hoặc người bên ngoài. Trong tổ phải có ít nhất một kế toán viên có kinh nghiệm. Tổng Giám đốc hoặc Kế toán trưởng không được làm Tổ trưởng tổ thanh lý.

Tổ thanh lý sẽ thực hiện và hoàn tất phương án giải thể trong vòng không quá 05 tháng kể từ ngày được thành lập. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày thanh toán hết nợ cho Công ty, Tổ thanh lý sẽ gửi hồ sơ về giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh để xóa tên Công ty trong Sổ đăng ký kinh doanh.

d) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Doanh nghiệp, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 64: Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này đã được các cổ đông thống nhất đồng ý chỉnh sửa lại cho phù hợp với Luật Doanh Nghiệp mới, thay thế cho Điều lệ cũ và có hiệu lực kể từ ngày 01-01-2008.

Điều 65: Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của ĐHĐCĐ.
3. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, ĐHĐCĐ sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi.

Điều 66: Điều khoản cuối cùng

Bản điều lệ này đã được các cổ đông sáng lập xem xét từng chương từng điều và cùng ký tên chấp thuận.

Bản điều lệ này gồm 06 (sáu) chương, 66 điều, được lập thành 08 (tám) bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản lưu trữ tại trụ sở công ty, 01 bản cho mỗi mỗi cổ đông.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của các thành viên HĐQT.

TP.HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2007

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

TRẦN VĂN HÙNG

CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG ĐẠI DIỆN 100% ĐIỀU LỆ

1. Trần Văn Hùng

2. Dương Công Phùng

3. Phan Văn Hiếu

4. Trần Thị Xuân Thảo

5. Dương Thị Hằng

6. Dương Thị Hà